

Thép Hòa Phát (HPG)

Tháng 2 2023 – Nhu cầu thép yếu

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) đã công bố một số tiêu đề đáng chú ý về doanh số tháng 2 của công ty. Dưới đây là một số vấn đề chính đáng lưu ý.

Nhu cầu thép yếu trong tháng 2

- Tổng sản lượng tiêu thụ thép tháng 2 đạt 549,767 tấn, giảm 30.6% n/n nhưng tăng 18.5 t/t.
- Sản lượng thép xây dựng giảm còn 282,832 tấn, -36.8% n/n -7.0% t/t. Trong đó, sản lượng tiêu thụ nội địa giảm 37.3% n/n và xuất khẩu giảm 32.8% n/n.
- Sản lượng tiêu thụ thép tôn (26,783 tấn) giảm 2.1% n/n nhưng tăng 27.5% t/t trong khi sản lượng tiêu thụ thép ống (53,948 tấn) giảm 31.3% n/n nhưng tăng 1.1% t/t.
- Sản lượng tiêu thụ thép cuộn (HRC) là 186,204 tấn (-22.0% n/n, +117.8% t/t).
- Tổng sản lượng tiêu thụ nội địa trong tháng 2 tăng 18.8% t/t, đạt 482,908 tấn

Sản lượng tiêu thụ 2T23 giảm mạnh

- Tổng sản lượng tiêu thụ thành phẩm trong 2T23 giảm đáng kể xuống còn 1,013,881 tấn, -32.2% n/n. Trong đó, sản lượng tiêu thụ của tất cả các sản phẩm đều giảm do nền cao trong 2022.
- Tổng sản lượng xuất khẩu 2T23 (124,484 tấn) giảm 50.3% n/n trong khi sản lượng tiêu thụ nội địa (889,397 tấn) giảm 28.5% n/n.

Đánh giá và khuyến nghị

- Các trở ngại trong ngành chưa giảm bớt rõ rệt nên chúng tôi duy trì đánh giá **NĂM GIỮ**.

Khuyến nghị **Năm Giữ (Duy Trì)**

Giá mục tiêu **N.A**

Lợi nhuận **N.A**

Thông kê

VNIndex (14/3, điểm)	1,040
Giá cp (14/3, đồng)	20,300
Vốn hóa (tỷ đồng)	118,040
SLCP lưu hành (triệu)	5,815
Cao/ Thấp 52 tuần (đồng)	35,760/12,100
GTGD TB 6T (tỷ đồng)	556
Tỷ lệ CP tự do / Sở hữu NN (%)	54.3/23.4
Cổ đông lớn (%)	
Trần Đình Long	26.1

Biến động giá cổ phiếu

	1T	6T	12T
Tuyệt đối (%)	(1.5)	(14.3)	(41.4)
Tương đối với VNI (%p)	(1.7)	1.2	(14.5)

Xu hướng giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Năm tài chính kết thúc T10	FY20A	FY21A	FY22F	FY23F	FY24F
Doanh thu (tỷ đồng)	90,119	149,680	137,438	109,274	141,177
Tăng trưởng (% n/n)	41.6	66.1	(8.2)	(20.5)	29.2
LN hoạt động (tỷ đồng)	17,123	37,664	16,828	17,651	23,995
LN ròng (tỷ đồng)	13,450	34,478	10,594	13,271	17,606
EPS (đồng)	3,958	7,471	2,177	2,409	2,961
Tăng trưởng (% n/n)	46.2	88.8	(70.9)	10.7	22.9
EBITDA (tỷ đồng)	21,899	43,751	23,195	24,938	32,282
PE (x)	5.1	2.7	11.2	8.9	6.7
EV/EBITDA (x)	2.6	2.6	2.6	2.6	3.6
PB (x)	1.1	1.0	1.2	1.0	0.9
ROE (%)	25.2	46.0	11.0	12.3	14.6
Suất sinh lợi cổ tức (%)	2.1	1.9	0.0	0.0	3.8

Ghi chú: LN ròng, EPS and ROE dựa trên lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ.

VUI LÒNG THAM KHẢO NGUYÊN TẮC KHUYẾN NGHỊ, THÔNG TIN CÔNG KHAI VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM Ở CUỐI BÁO CÁO

Phòng Phân Tích

researchdept@kisvn.vn

Bảng 1. Tăng trưởng doanh số

(Tấn)

	Tháng				Lũy kế		
	10/2021	10/2022	t/t (%)	n/n (%)	10T21	10T22	n/n (%)
Ông Thép	78,538	53,948	1.1	(31.3)	129,007	107,295	(16.8)
Xuất khẩu	1,163	3,449	165.3	196.6	3,139	4,749	51.3
Nội địa	77,375	50,499	(3.0)	(34.7)	125,868	102,546	(18.5)
Tôn mạ	27,361	26,783	27.5	(2.1)	69,988	47,783	(31.7)
Xuất khẩu	6,993	4,177	(13.7)	(40.3)	37,955	9,017	(76.2)
Nội địa	20,368	22,606	39.9	11.0	32,033	38,766	21.0
Thép xây dựng	447,200	282,832	(7.0)	(36.8)	828,954	587,111	(29.2)
Xuất khẩu	57,179	38,407	(18.0)	(32.8)	173,864	85,233	(51.0)
Nội địa	390,021	244,425	(5.1)	(37.3)	655,090	501,878	(23.4)
Thép cuộn	238,577	186,204	117.8	(22.0)	466,695	271,692	(41.8)
Xuất khẩu	35,473	20,826	347.0	(41.3)	35,473	25,485	(28.2)
Nội địa	203,104	165,378	104.6	(18.6)	431,222	246,207	(42.9)
Tổng doanh số	791,676	549,767	18.5	(30.6)	1,494,644	1,013,881	(32.2)
Xuất khẩu	100,808	66,859	16.0	(33.7)	250,431	124,484	(50.3)
Nội địa	690,868	482,908	18.8	(30.1)	1,244,213	889,397	(28.5)

Nguồn: Dữ liệu công ty, VSA, KIS

Bảng 2. Tăng trưởng sản xuất

(Tấn)

	Tháng				Lũy kế		
	10/2021	10/2022	t/t (%)	n/n (%)	10T21	10T22	n/n (%)
Ông Thép							
Sản xuất	56,105	57,223	17.4	2.0	107,737	105,952	(1.7)
Tồn kho	0	0	NA	NA			
Tôn mạ							
Sản xuất	34,277	25,050	NA	(26.9)	64,284	25,050	(61.0)
Tồn kho	0	0	NA	NA			
Thép xây dựng							
Sản xuất	401,006	273,372	(16.3)	(31.8)	812,386	599,841	(26.2)
Tồn kho	316,617	332,258	(2.8)	4.9			
Thép cuộn							
Sản xuất	216,832	189,695	35.2	(12.5)	450,975	329,951	(26.8)
Tồn kho	134,787	64,316	5.7	(52.3)			
Tổng							
Sản xuất	708,220	545,340	5.8	(23.0)	1,435,382	1,060,794	(26.1)
Tồn kho	451,404	396,574	(1.5)	(12.1)			

Nguồn: Dữ liệu công ty, VSA, KIS

Tổng quan công ty

Hòa Phát (HPG) là tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam hoạt động trên 5 lĩnh vực kinh doanh chính: Sắt thép; thép tấm & ống thép; bất động sản, nông nghiệp và thiết bị gia dụng.

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	FY20A	FY21A	FY22F	FY23F	FY24F
Tài sản ngắn hạn	56,747	94,154	98,203	98,068	131,560
Tiền và tương đương tiền	21,823	40,708	29,288	31,615	51,899
Phải thu	6,125	7,662	9,968	10,159	12,965
Hàng tồn kho	26,287	42,135	54,467	51,831	61,618
Tài sản dài hạn	74,764	84,082	120,490	138,233	145,345
Tài sản cố định	65,562	69,281	69,914	97,148	105,701
Đầu tư tài chính	6,983	10,573	45,583	35,593	33,603
Khác	4,427	7,069	8,583	8,976	10,042
Tổng tài sản	131,511	178,236	218,693	236,301	276,905
Người mua trả tiền trước	1,257	788	1,792	1,717	2,031
Doanh thu chưa thực hiện	51	26	26	26	26
Phải trả người bán	10,916	23,729	27,233	23,559	26,036
Phải trả khác	5,926	5,700	5,971	6,187	6,426
Nợ ngắn hạn và TP đến hạn	36,799	43,748	50,748	44,748	51,748
Nợ và TP dài hạn	17,343	13,465	13,365	14,365	15,365
Tổng nợ và phải trả	72,292	87,456	99,135	90,602	101,632
VCSH	59,071	90,625	119,303	145,352	174,822
Vốn điều lệ	33,133	44,729	44,729	44,729	44,729
Thặng dư	3,212	3,212	3,212	3,212	3,212
Quý khác	934	922	955	986	1,020
LN giữ lại	21,792	41,763	70,407	96,425	125,862
Lợi ích cổ đông thiểu số	149	155	255	347	450
TỔNG VCSH	59,220	90,780	119,558	145,699	175,272

Bảng lưu chuyển tiền tệ

(Tỷ đồng)

Năm tài chính kết thúc T9	FY20A	FY21A	FY22F	FY23F	FY24F
Dòng tiền hoạt động	11,587	27,466	27,889	36,628	31,657
LN ròng	13,506	34,521	33,417	30,767	34,217
Khấu hao và khấu trừ	4,776	6,087	6,367	7,767	8,447
Tăng vốn lưu động ròng	(6,695)	(13,142)	(11,895)	(1,906)	(11,007)
Dòng tiền đầu tư	(18,495)	(20,404)	(32,618)	(20,269)	(13,077)
Tài sản cố định	(11,916)	(12,116)	(42,010)	(25,010)	(15,010)
Tăng đầu tư tài chính	(6,579)	(8,288)	9,392	4,741	1,933
Dòng tiền tài chính	16,053.7	1,729.4	2,427.1	(9,472.9)	3,527.1
Tăng vốn chủ	3	11	0	0	0
Tăng nợ	17,471	3,423	6,900	(5,000)	8,000
Chi trả cổ tức	(1,420)	(1,704)	(4,473)	(4,473)	(4,473)
Dòng tiền khác	6	(16)	0	0	0
Tăng tiền mặt	9,146	8,792	(2,302)	6,887	22,107

Kết quả kinh doanh

(Tỷ đồng)

Năm tài chính kết thúc T9	FY20A	FY21A	FY22F	FY23F	FY24F
Doanh thu	90,119	149,680	179,232	171,671	203,104
Giá vốn hàng bán	71,215	108,571	138,058	132,295	158,384
Lợi nhuận gộp	18,904	41,108	41,174	39,376	44,720
Chi phí bán hàng & QLDN	1,781	3,444	3,585	3,434	4,265
LN hoạt động	17,123	37,664	37,589	35,943	40,455
Doanh thu tài chính	1,005	3,071	1,255	1,202	1,422
Thu nhập lãi	519	0	274	182	109
Chi phí tài chính	2,837	3,732	3,047	3,090	3,453
Chi phí lãi vay	2,192	2,526	2,565	2,660	3,356
LN khác	65	48	54	52	61
Lãi (lỗ) từ LD&LK	2	5	5	5	5
LN trước thuế	15,357	37,057	35,855	34,110	38,489
Thuế TNDN	1,851	2,536	2,438	3,343	4,272
LN sau thuế	13,506	34,521	33,417	30,767	34,217
LN ròng cho công ty mẹ	13,450	34,478	33,317	30,675	34,114
EBITDA	21,899	43,751	43,956	43,709	48,902

Chỉ số tài chính

Năm tài chính kết thúc T9	FY20A	FY21A	FY22F	FY23F	FY24F
Dữ liệu trên mỗi cp (đồng, điều chỉnh)					
EPS	3,958	7,471	2,177	2,409	2,961
BPS	17,873	20,296	17,420	19,698	21,950
DPS	428	381	0	0	769
Tăng trưởng (%)					
Doanh thu	41.6	66.1	(8.2)	(20.5)	29.2
LN hoạt động	75.7	120.0	(55.3)	4.9	35.9
LN ròng	75.4	154.8	(62.1)	10.7	22.9
EPS	46.2	88.8	(70.9)	10.7	22.9
EBITDA	77.5	99.8	(47.0)	7.5	29.4
Khả năng sinh lợi (%)					
Biên LN hoạt động	19.0	25.2	12.2	16.2	17.0
Biên LN ròng	14.6	22.3	9.2	12.8	12.2
Biên EBITDA	24.3	29.2	16.9	22.8	22.9
ROA	11.6	22.3	5.7	6.9	8.8
ROE	25.2	46.0	11.0	12.3	14.6
Suất sinh lợi cổ tức	2.1	1.9	0.0	0.0	3.8
Tỷ lệ chi trả cổ tức	10.8	5.0	0.0	0.0	25.6
Đòn bẩy					
Nợ ròng (Tỷ đồng)	32,319	16,505	32,216	32,321	44,364
Nợ ròng/VCSH (%)	50.0	20.0	30.0	30.0	30.0
Định giá (x)					
PE	5.1	2.7	11.2	8.9	6.7
PB	1.1	1.0	1.2	1.0	0.9
EV/EBITDA	4.5	2.5	6.5	6.0	5.0

■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

■ **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

■ **Thông tin công khai quan trọng**

Ở thời điểm cuối tháng liền trước của ngày phát hành báo cáo (hoặc cuối tháng thứ 2 liền trước nếu ngày phát hành báo cáo sau ngày cuối tháng liền trước ít hơn 10 ngày), CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo.

Không có mâu thuẫn lợi ích quan trọng nào giữa chuyên viên phân tích, CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam và các bên liên quan tại thời điểm phát hành báo cáo.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không quản lý hoặc đồng quản lý việc phát hành ra công chúng cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo trong vòng 12 tháng qua.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nhận được khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong 12 tháng qua; CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không kỳ vọng hoặc tìm kiếm các khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong ba tháng tới.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc cá bên liên quan không tạo lập thị trường cho cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại thời điểm phát hành báo cáo.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không nắm hơn 1% cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 14/03/2023.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam đã không cung cấp trước báo cáo này cho các bên thứ ba khác.

Cả chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này và người liên quan không sở hữu cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 14/03/2023.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam đã phát hành chứng quyền có đảm bảo với cổ phiếu Thép Hòa Phát (HPG) và hiện là công ty tạo lập thị trường.

Người thực hiện: Phòng Phân Tích

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.